

Bản án số: 527/2024/HS-ST

Ngày: 24-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 494/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1987, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi ĐKKHTT: D237, tổ I, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Mỹ T1 (đã chết) và có 01 con (đã chết).

- Tiền án: 03

+ Ngày 22/9/2014 bị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 23/3/2017 bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

+ Ngày 19/7/2019 bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 14/4/2005, bị Ủy ban nhân dân thành phố B đưa vào Cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”

+ Ngày 31/3/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

+ Ngày 15/7/2011, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đưa vào cơ sở giáo dục P về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã ngày 27/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. (Bị cáo có mặt).

Bị hại:

+ Anh **Lê Quang H2**, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

Địa chỉ: E, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị **Đổng Thị Thùy T2**, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc H là người không có nghề nghiệp và đã có tiền án về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Cướp giật tài sản”. Do cần tiền tiêu xài nên từ ngày 11/7/2021 đến ngày 20/9/2021, H đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 13 giờ ngày 11/7/2021, H đang đi bộ về phòng trọ tại khu phố C, phường T, thành phố B thì phát hiện trước nhà số E, khu phố C, phường T do anh Lê Quang H2, ngụ tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thuê ở trọ có dựng 01 (một) xe mô tô hiệu Havico, biển số 54T3-2082 và trên ổ khóa xe có cắm sẵn chìa khóa nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi quan sát xung quanh thấy không có người, H lén đi đến dắt trộm xe mô tô trên ra đường rồi ngồi lên xe khởi động máy và điều khiển xe tẩu thoát. Trên đường đi thì H nhìn thấy ven đường có 01 (một) biển số xe 72F7-9301 nên H dừng xe lại tháo biển số 54T3-2082 ra và nhặt biển số 72F7-9301 gắn vào xe mô tô đã trộm cắp được của anh H2, sau đó H điều khiển xe chạy về cất giấu tại phòng trọ ở phường T, thành phố B để làm phương tiện sử dụng, còn biển số 54T3-2082 H đã vứt bỏ trên đường đi. Đến khoảng 14 giờ ngày 28/7/2021, khi H điều khiển xe mô tô của anh H2 (gắn biển số 72F7-9301) đi ngang qua nhà anh H2 thì bị anh H2 phát hiện và trình báo Công an phường T. Công an phường T đã mời H đến làm việc và H đã thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô của anh H2. Sau đó, Công an phường T đã tạm cho H về để tiếp tục xác minh và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Havico là tài sản của anh Lê Quang H2.

- 01 (một) biển số xe 72F7-9301 do Nguyễn Ngọc H gắn vào xe mô tô hiệu Havico của anh H2 để sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 480/KL-HĐĐGTS ngày 30/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 (một) xe mô tô biển số 54T3-2082 trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)”.

Về dân sự: anh Lê Quang H2 không yêu cầu bồi thường.

Lần 2: Khoảng 12 giờ ngày 20/9/2021, H điều khiển xe mô tô (không gắn biển số) đi lòng vòng quanh khu vực khu phố C, phường L, thành phố B tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến trước nhà số G, khu phố C, phường L thì H nhìn thấy ở trên vỉa hè phía trước nhà có một tấm bạt lớn đang trùm phủ lên các bao hàng hóa của chị Đồng Thị Thùy T2, ngụ tại ấp H, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai làm chủ. Lúc này, H đi đến mở tấm bạt lên và lấy trộm 01 bao hành củ trọng lượng 20 (hai mươi) kg, 01 bao tỏi trọng lượng 20 (hai mươi) kg, 01 bịch bí đỏ trọng lượng 10 (mười) kg, 01 bịch hành tây trọng lượng 10 (mười) kg, 01 bịch cà rốt trọng lượng 10 (mười) kg rồi bỏ tất cả lên xe và điều khiển xe tẩu thoát. Trên đường đi thì H gặp một người bán rau (không rõ họ tên, địa chỉ) nên H đã bán cho người này 01 bịch bí đỏ trọng lượng 10 (mười) kg, 01 bịch hành tây trọng lượng 10 (mười) kg, 01 bịch cà rốt trọng lượng 10 (mười) kg được 430.000 đồng (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Sau đó, H đem 01 bao hành củ trọng lượng 20 (hai mươi) kg, 01 bao tỏi trọng lượng 20 (hai mươi) kg về phòng trọ tại phường T, thành phố B và nhờ chị Trần Thị Hoàng N, ngụ tại E, tổ G, khu phố C, phường T, thành phố B (ở cùng dãy phòng trọ) bán giùm và nói là do H nhặt được, do tưởng thật nên chị N đồng ý. Sau đó, chị N đã bán cho những người đi đường (không rõ họ tên, địa chỉ) được 18,9 (Mười tám phẩy chín) kg hành củ và 17,3 (Mười bảy phẩy ba) kg tỏi được tổng cộng 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và đưa tiền cho H, còn lại 1,1 (Một phẩy một) kg hành củ và 2,7 (hai phẩy bảy) kg tỏi chưa bán được thì để tại phòng trọ của chị N.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Đồng Thị Thùy T2 đã trình báo Công an phường L mời H đến làm việc và H đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của chị T2. Sau đó, Công an phường L đã tạm cho H về để tiếp tục xác minh và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý. Quá trình điều tra, H đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định truy nã đối với H. Đến ngày 27/4/2024, Công an phường T đã bắt giữ H theo quyết định truy nã và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô không gắn biển số, có số khung: 000746, số máy: 400682 là phương tiện bị can Nguyễn Ngọc H đã sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 (một) kim tiêm đã qua sử dụng, 01 (một) lưỡi dao bằng kim loại màu đen bản rộng 05 cm, dài khoảng 25 cm và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ tại phòng trọ của H.

- 1,1 (Một phẩy một) kg hành củ và 2,7 (Hai phẩy bảy) kg tỏi là tài sản của chị Đồng Thị Thùy T2.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 11/02/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “20 (hai mươi) kg hành củ, 20 (hai mươi) kg tỏi, 10 (mười) kg bí đỏ, 10 (mười) kg hành tây, 10 (mười) kg cà rốt có tổng trị giá 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)”

Về trách nhiệm dân sự: chị Đồng Thị Thùy T2 yêu cầu bồi thường 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Hiện Nguyễn Ngọc H chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 491/CT-VKSBH ngày 21/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho chị Đồng Thị Thùy T2 số tiền 2.150.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã rất ăn năn, hối hận bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của các bị hại, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 11/7/2021 đến ngày 20/9/2021, Nguyễn Ngọc H đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

[2.1] Khoảng 13 giờ ngày 11/7/2021, H thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô biển số 54T3-2082 trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) của anh Lê Quang H2 tại trước nhà số E, khu phố C, phường T, thành phố B.

[2.2] Khoảng 12 giờ ngày 20/9/2021, H thực hiện hành vi trộm cắp 20 (hai mươi) kg hành củ, 20 (hai mươi) kg tỏi, 10 (mười) kg bí đỏ, 10 (mười) kg hành tây, 10 (mười) kg cà rốt có tổng trị giá 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) của chị Đồng Thị Thùy T2 tại trước nhà số G, khu phố C, phường L, thành phố B.

[2.3] Đến ngày 27/4/2024, H bị bắt giữ theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra, xử lý.

[2.4] Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

[2.5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Havico là tài sản của anh Lê Quang H2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh H2 là phù hợp.

[5.2] Đối với 01 (một) biển số xe 72F7-9301 do Nguyễn Ngọc H gắn vào xe mô tô hiệu Havico của anh H2 để sử dụng, hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ, xử lý sau là phù hợp.

[5.3] Đối với 01 (một) xe mô tô không gắn biển số, có số khung: 000746, số máy: 400682 là phương tiện bị cáo Nguyễn Ngọc H đã sử dụng vào việc phạm tội, hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[5.4] Đối với 01 (một) kim tiêm đã qua sử dụng, 01 (một) lưỡi dao bằng kim loại màu đen bản rộng 05 cm, dài khoảng 25 cm và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ tại phòng trọ của H là tài sản cá nhân của H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho H là phù hợp.

[5.5] Đối với 1,1 (Một phẩy một) kg hành củ và 2,7 (Hai phẩy bảy) kg tỏi là tài sản của chị Đồng Thị Thùy T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi và trả lại cho chị T2 là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Bị hại anh Lê Quang H2 đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì về mặt dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6.2] Bị hại chị Đồng Thị Thùy T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.150.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc H cũng đồng ý bồi thường cho chị T2 theo yêu cầu của chị T2. Do đó buộc bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Đồng Thị Thùy T2 số tiền 2.150.000 đồng.

[7] Đối với chị Trần Thị Hoàng N đã bán dùm hành và tỏi cho Nguyễn Ngọc H nhưng không biết là tài sản do H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý hình sự.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về tội danh, hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về án phí là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Đồng Thị Thùy T2 số tiền 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày chị Đồng Thị Thùy T2 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền nêu trên, nếu bị cáo chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại anh Lê Quang H2, chị Đồng Thị Thùy T2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THSDS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến